



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2026



Đà Nẵng, tháng 4 năm 2026

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
 Đơn vị tính: **Đồng Việt Nam**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2026)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2026)
<small>Đã trình bày/ phân loại lại</small>				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.670.933.269.346	2.745.127.796.924
I. Tiền	110		88.832.341.514	385.206.849.452
1 . Tiền	111	V.1	85.832.341.514	38.575.849.452
2 . Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	346.631.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.103.394.542.008	783.138.175.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	1.103.394.542.008	783.138.175.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		654.012.709.098	649.219.414.170
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	563.512.845.400	615.668.833.649
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		59.023.682.680	8.267.006.447
3 . Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	32.352.426.328	26.159.819.384
4 . Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	136		(876.245.310)	(876.245.310)
IV. Hàng tồn kho	140		724.925.334.808	841.964.732.249
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	728.034.169.614	845.720.727.283
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.108.834.806)	(3.755.995.034)
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		99.768.341.918	85.598.626.053
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.9	13.951.067.024	12.136.777.878
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162	V.13	82.534.468.292	51.558.859.075
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.13	3.282.806.602	790.167.703
4 . Tài sản ngắn hạn khác	165	V.10	-	21.112.821.397

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HH

*(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
			(31/03/2026)	(01/01/2026)
				Đã trình bày/ phân loại lại
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.020.666.140.041	992.632.672.150
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		964.365.192	964.365.192
1 . Phải thu dài hạn khác	215	V.4	964.365.192	964.365.192
II. Tài sản cố định	220		722.353.570.948	670.309.285.598
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	720.972.087.301	668.948.672.704
- Nguyên giá	222		2.234.995.532.016	2.158.075.984.876
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.514.023.444.715)	(1.489.127.312.172)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.381.483.647	1.360.612.894
- Nguyên giá	228		14.112.298.402	13.892.298.402
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(12.730.814.755)	(12.531.685.508)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	250		144.882.531.478	182.346.405.676
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.8	144.882.531.478	182.346.405.676
V. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2	110.615.897.144	95.587.356.982
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		20.517.897.144	19.969.356.982
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		6.900.000.000	6.900.000.000
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	264		(6.300.000.000)	(6.300.000.000)
dài hạn (*)				
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		89.498.000.000	75.018.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	270		41.849.775.279	43.425.258.702
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.9	41.798.521.528	41.986.918.435
2 . Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		51.253.751	1.438.340.267
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		3.691.599.409.387	3.737.760.469.074

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/IN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2026)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2026)
				Đã trình bày/ phân loại lại
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.519.913.010.448	2.625.461.607.307
I. Nợ ngắn hạn	310		2.212.419.459.305	2.332.947.578.113
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	185.866.168.547	245.074.002.574
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.234.815.701	7.545.611.552
3 . Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.12	4.086.830.800	91.810.496.100
4 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.13	18.391.197.226	26.982.919.912
5 . Phải trả người lao động	315		412.421.447.247	457.023.506.445
6 . Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.14	10.021.560.175	6.544.683.978
7 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319	V.16	1.054.082.020	108.886.990
8 . Phải trả ngắn hạn khác	320	V.15	28.571.766.097	26.522.896.808
9 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.17	1.464.919.061.215	1.374.987.190.601
10 . Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		65.798.595	58.567.186
11 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	83.786.731.682	96.288.815.967
II. Nợ dài hạn	330		307.493.551.143	292.514.029.194
1 . Phải trả dài hạn khác	338		395.655.000	395.655.000
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.17	306.549.200.480	291.731.662.438
3 . Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		548.695.663	386.711.756
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		1.171.686.398.939	1.112.298.861.767
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	360.027.080.000	360.027.080.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		360.027.080.000	360.027.080.000
2 . Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.090.730.000	5.090.730.000
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		261.732.486.767	259.183.865.353
4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		503.000.556.768	443.772.381.968
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	420a		439.311.369.773	217.172.906.618
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	420b		63.689.186.995	226.599.475.350
5 . Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		41.835.545.404	44.224.804.446
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.691.599.409.387	3.737.760.469.074

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thùy Linh

Nguyễn Thị Tường Long

Nguyễn Ngọc Bình

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu B 02 – DN/IIN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Quý I

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			năm 2026	năm 2025	năm 2026	năm 2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.339.311.303.727	1.277.550.030.591	1.339.311.303.727	1.277.550.030.591
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		35.030.494	46.626.575	35.030.494	46.626.575
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.339.276.273.233	1.277.503.404.016	1.339.276.273.233	1.277.503.404.016
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.201.366.405.747	1.149.276.393.167	1.201.366.405.747	1.149.276.393.167
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		137.909.867.486	128.227.010.849	137.909.867.486	128.227.010.849
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	33.828.716.542	23.352.802.325	33.828.716.542	23.352.802.325
7. Chi phí tài chính	23	VI.4	25.130.701.840	14.349.300.408	25.130.701.840	14.349.300.408
Trong đó: Lãi vay phải trả	24		20.959.806.738	9.890.162.417	20.959.806.738	9.890.162.417
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	21.888.004.845	20.012.659.552	21.888.004.845	20.012.659.552
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	52.978.160.473	49.942.171.910	52.978.160.473	49.942.171.910
10. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	27		548.540.162	766.038.028	548.540.162	766.038.028
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21 - 22)+24-(25 + 26)]	30		72.290.257.032	68.041.719.332	72.290.257.032	68.041.719.332
12. Thu nhập khác	31	VI.7	3.587.318.453	2.748.093.884	3.587.318.453	2.748.093.884
13. Chi phí khác	32	VI.8	572.179.504	658.260.746	572.179.504	658.260.746
14. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32)	40		3.015.138.949	2.089.833.138	3.015.138.949	2.089.833.138
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		75.305.395.981	70.131.552.470	75.305.395.981	70.131.552.470
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		9.304.662.876	10.703.001.971	9.304.662.876	10.703.001.971
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.549.070.423	1.642.188.948	1.549.070.423	1.642.188.948
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		64.451.662.682	57.786.361.551	64.451.662.682	57.786.361.551
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		63.689.186.995	56.205.479.152	63.689.186.995	56.205.479.152
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		762.475.687	1.580.882.399	762.475.687	1.580.882.399
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-	1.672	1.464
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-	-	-

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

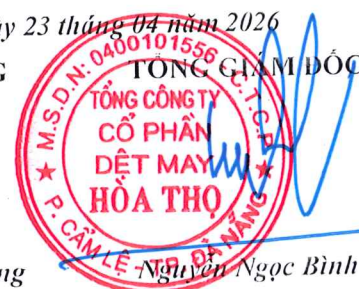


Nguyễn Thị Thùy Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu B 03 – DN/IN

*(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Kỳ tài chính từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		75.305.395.981	70.131.552.470
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		34.626.316.929	34.413.767.458
- Các khoản dự phòng	03		(639.928.819)	(1.424.153.586)
- Lãi/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.826.687.576)	1.048.798.307
- Lãi/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(20.444.133.211)	(6.363.286.089)
- Chi phí lãi vay	06		20.959.806.738	9.890.162.417
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động (08 = 01+02+03+04+05+06)	08		106.980.770.042	107.696.840.977
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.029.050.886)	(111.162.331.154)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		117.686.557.669	138.776.419.055
- Tăng, giảm các khoản phải trả(không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(87.481.774.224)	(36.776.439.372)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.647.794.852)	(588.592.636)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(20.848.226.095)	(9.934.900.171)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(18.440.662.968)	(24.043.628.562)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		140.000.000	303.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.276.250.795)	(7.245.549.648)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		76.083.567.891	57.024.818.489

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Kỳ tài chính từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(65.209.193.426)	(31.556.173.108)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		141.896.446	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(578.113.082.008)	(77.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		243.376.715.000	88.232.715.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		10.894.964.167	5.594.370.858
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(388.908.699.821)	(15.229.087.250)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.152.493.088.187	1.017.878.270.648
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.046.950.412.395)	(1.014.810.373.618)
3. Cổ tức, lợi tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(89.092.051.800)	(106.778.539.129)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.450.623.992	(103.710.642.099)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(296.374.507.938)	(61.914.910.860)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		385.206.849.452	467.127.892.045
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	88.832.341.514	405.212.981.185

Đà Nẵng, Ngày 23 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thùy Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Bình

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 61,87% vốn. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày trên đây đã được hợp nhất số liệu của Tổng công ty và các công ty con trong toàn tập đoàn, bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần Thời Trang Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An
- Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Duy Xuyên
- Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ Thăng Bình
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây Dựng Hòa Thọ

6. Số lượng lao động:

Tại ngày 31/03/2026, Tổng công ty có 9.824 nhân viên(1/1/2026: 9.757 nhân viên)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Do có sự thay đổi trong chế độ kế toán doanh nghiệp, một số chỉ tiêu có sự thay đổi giữa thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính sẽ bị thay đổi và trình bày lại:

	Số đầu năm sau điều chỉnh 01/01/2026	Số đầu năm trước điều chỉnh 01/01/2026
* Chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính:		
- Tiền	38.575.849.452	59.688.670.849
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	783.138.175.000	780.795.315.000
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	2.342.860.000
- Tài sản ngắn hạn khác	21.112.821.397	-
Tổng cộng tài sản	3.737.760.469.074	3.737.760.469.074
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận	91.810.496.100	-
- Phải trả ngắn hạn khác	26.522.896.808	118.333.392.908
Tổng nguồn vốn	3.737.760.469.074	3.737.760.469.074

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)
Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán:

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Tổng công ty và các công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:

1. Cơ sở hợp nhất:

1.1. Công ty con:

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

1.2. Lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

1.3. Công ty liên kết:

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)
Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

lỗ của công ty liên kết mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

1.4. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại các công ty liên kết này.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất. Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi có bằng chứng về suy giảm giá trị khoản đầu tư, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi các yếu tố suy giảm không còn. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)
Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|------------------------------------|--------------|
| - Nhà cửa | 10 – 25 năm. |
| - Máy móc và thiết bị: | 5 – 15 năm. |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn: | 5 – 10 năm. |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý: | 3 – 5 năm. |
| - Tài sản khác: | 2 – 5 năm. |
| - Phần mềm máy tính: | 3 – 5 năm. |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí chờ phân bổ dài hạn:

Chi phí chờ phân bổ dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 10 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:

* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chi có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.

* Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ được hoàn thành và phần lớn rủi ro, lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho bên mua.

* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.

10. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:

- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
 - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
 - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
 - Thuế suất 8%: áp dụng cho các hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025.
 - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất hiện hành 20%
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/03/2026	01/01/2026
Tiền mặt	224.644.719	157.231.695
Tiền gửi không kỳ hạn	85.607.696.795	38.418.617.757
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	9.916.111.474	17.133.608.245
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	61.331.196.992	3.262.634.419
- Ngân hàng TMCP Á Châu	1.512.808.183	3.070.065.764
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	1.206.876.434	7.917.423.424
- Khác	11.640.703.712	7.034.885.905
Tương đương tiền	3.000.000.000	346.631.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	289.923.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	3.000.000.000	56.708.000.000
Cộng	88.832.341.514	385.206.849.452

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

2. Các khoản đầu tư tài chính:

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

* Tiền gửi có kỳ hạn

	31/03/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Ngắn hạn	1.101.637.397.008	1.101.637.397.008	-	780.795.315.000	780.795.315.000	-
- Dài hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	89.498.000.000	89.498.000.000	-	75.018.000.000	75.018.000.000	-
Cộng	1.191.135.397.008	1.191.135.397.008	-	855.813.315.000	855.813.315.000	-

* Cho Vay:

	31/03/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Ngắn hạn						
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	1.757.145.000	1.757.145.000	-	2.342.860.000	2.342.860.000	-
Cộng	1.757.145.000	1.757.145.000	-	2.342.860.000	2.342.860.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Tổng công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Phú Ninh	4.000.000.000	(1.853.620.495)	4.000.000.000	(1.933.558.782)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	6.428.000.000	11.943.517.639	6.428.000.000	11.474.915.764
Cộng	10.428.000.000	10.089.897.144	10.428.000.000	9.541.356.982

* Đầu tư vào đơn vị khác

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần bao bì Hòa thọ Quảng Đà	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP HCM	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)
Cộng	6.900.000.000	(6.300.000.000)	6.900.000.000	(6.300.000.000)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Quảng Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	202.189.563	121.841.522
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	3.402.594.000
Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	484.154.671	602.515.351
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.617.192.927	16.114.784.340
Công ty mẹ - Tập Đoàn Dệt May Việt Nam		
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.584.514.939	7.097.034.704

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED</i>	129.722.054.314	-	163.007.372.409	-
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	93.232.149.805	-	114.529.023.052	-
<i>Các khách hàng khác</i>	340.558.641.281	-	338.132.438.188	-
Tổng cộng	563.512.845.400	-	615.668.833.649	-

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam</i>	125.444.727	-	91.677.125	-
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	55.260.546	-	165.730.662	-
Tổng cộng	180.705.273	-	257.407.787	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

4. Các khoản phải thu khác:

a, Phải thu ngắn hạn khác:

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	1.689.576.350	-	1.946.595.806	-
Ký cược, ký quỹ	6.650.056.772	-	6.641.114.756	-
Các khoản chi hộ	919.535.676	-	760.336.170	-
Lãi tiết kiệm dự thu	18.720.508.488	-	10.665.744.910	-
Phải thu khác	4.372.749.042	-	6.146.027.742	-
Cộng	32.352.426.328	-	26.159.819.384	-

b, Phải thu dài hạn khác:

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng, ký quỹ khác	964.365.192	-	964.365.192	-
Cộng	964.365.192	-	964.365.192	-

5. Hàng tồn kho:

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	119.739.788	-	109.282.371.435	-
Nguyên vật liệu	274.001.706.009	-	248.041.134.030	-
Công cụ dụng cụ	969.784.559	-	1.052.032.427	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	405.801.749.674	(1.315.637.970)	387.103.449.774	(1.315.637.970)
Sản phẩm	38.824.354.429	(1.481.853.412)	40.403.055.754	(1.937.419.605)
Hàng hóa	2.588.364.347	(59.430.642)	3.052.747.439	(165.922.749)
Hàng gửi đi bán	5.728.470.808	(251.912.782)	56.785.936.424	(337.014.710)
Cộng	728.034.169.614	(3.108.834.806)	845.720.727.283	(3.755.995.034)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

6. Tài sản cố định hữu hình:

Chi tiêu	Nhóm	Nhà cửa kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư tại ngày 01/01/2026		509.361.278.579	1.379.688.526.164	145.817.638.044	19.451.531.454	103.757.010.635	2.158.075.984.876
Mua mới trong năm		1.094.177.337	3.607.080.400	2.550.600.000	676.517.820	134.879.648	8.063.255.205
Chuyển từ XDCB dở dang		110.185.186	76.972.183.750	1.269.670.000	13.405.525	-	78.365.444.461
Thanh lý		-	(3.648.138.986)	(143.882.359)	(605.869.091)	(5.111.262.090)	(9.509.152.526)
Số dư tại ngày 31/03/2026		510.565.641.102	1.456.619.651.328	149.494.025.685	19.535.585.708	98.780.628.193	2.234.995.532.016
Giá trị đã hao mòn							
Số dư tại ngày 01/01/2026		259.948.976.516	1.048.363.015.462	77.473.875.776	10.824.963.048	92.516.481.370	1.489.127.312.172
Khấu hao trong kỳ		6.144.755.926	23.542.933.898	3.447.496.442	401.045.137	869.053.666	34.405.285.069
Thanh lý		-	(3.698.497.810)	(93.523.535)	(605.869.091)	(5.111.262.090)	(9.509.152.526)
Số dư tại ngày 31/03/2026		266.093.732.442	1.068.207.451.550	80.827.848.683	10.620.139.094	88.274.272.946	1.514.023.444.715
Giá trị còn lại							
Số dư tại ngày 01/01/2026		249.412.302.063	331.325.510.702	68.343.762.268	8.626.568.406	11.240.529.265	668.948.672.704
Số dư tại ngày 31/03/2026		244.471.908.660	388.412.199.778	68.666.177.002	8.915.446.614	10.506.355.247	720.972.087.301

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 811.703 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

7. Tài sản cố định vô hình:

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 01/01/2026	13.892.298.402
Tăng trong kỳ	220.000.000
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 31/03/2026	14.112.298.402
Khấu hao	
Số dư tại ngày 01/01/2026	12.531.685.508
Tăng trong kỳ	199.129.247
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 31/03/2026	12.730.814.755
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 01/01/2026	1.360.612.894
Số dư tại ngày 31/03/2026	1.381.483.647

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 10.927 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/03/2026	01/01/2026
+ Hệ thống điện Năng lượng mặt trời	34.663.875.379	25.060.684.723
+ Đầu tư cải tạo tổng thể và bổ sung thiết bị NM sợi 2 - GD1	-	75.479.595.839
+ Đầu tư cải tạo tổng thể và bổ sung thiết bị NM sợi 2 - GD2	78.429.509.702	60.314.280.973
+ Đầu tư cải tạo Công Ty May Điện Bàn	20.227.563.303	14.170.647.555
+ Các công trình khác	11.561.583.094	7.321.196.586
Cộng	144.882.531.478	182.346.405.676

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

9. Chi phí chờ phân bổ:

	31/03/2026	01/01/2026
a. Ngắn hạn		
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	13.951.067.024	12.136.777.878
b. Dài hạn:		
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	41.798.521.528	41.986.918.435
Cộng	55.749.588.552	54.123.696.313

10. Tài sản ngắn hạn khác:

	31/03/2026	01/01/2026
- Tiền phong tỏa	-	21.112.821.397
Cộng	-	21.112.821.397

11. Phải trả người bán ngắn hạn:

* Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn:

	31/03/2026	01/01/2026
HULTAFORS GROUP AB	19.590.276.804	32.338.943.491
Các nhà cung cấp khác	166.275.891.743	212.735.059.083
	185.866.168.547	245.074.002.574

* Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/03/2026	01/01/2026
- Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh	929.075.914	2.645.429.145
- Tập đoàn Dệt May Việt Nam	6.446.687.572	3.699.937.213
- Công ty Cổ phần may Hoà Thọ Quảng Nam	-	11.278.019
Tổng cộng	7.375.763.486	6.356.644.377

12. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận:

	31/03/2026	01/01/2026
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	4.086.830.800	91.810.496.100
Cộng	4.086.830.800	91.810.496.100

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

13. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:

a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:

	01/01/2026	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	31/03/2026
Thuế thu nhập cá nhân	790.167.703	-	3.282.806.602	(790.167.703)	-	3.282.806.602
Cộng	790.167.703	-	3.282.806.602	(790.167.703)	-	3.282.806.602

b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2026	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	31/03/2026
Thuế GTGT bán hàng nội địa	5.630.319.377	30.515.786.447	(16.556.535.905)	(11.826.596.803)	-	7.762.973.116
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	8.892.139.902	(8.892.139.902)	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	15.671.348	508.725.025	(524.297.049)	-	-	99.324
Thuế thu nhập DN	18.690.662.968	9.304.662.876	(18.440.662.968)	-	-	9.554.662.876
Thuế thu nhập cá nhân	2.646.266.219	4.290.518.790	(6.139.758.521)	(790.167.703)	-	6.858.785
Các loại thuế khác	-	1.255.754.005	(189.150.880)	-	-	1.066.603.125
Cộng	26.982.919.912	54.767.587.045	(50.742.545.225)	(12.616.764.506)	-	18.391.197.226

c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:

	01/01/2026	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	31/03/2026
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	51.558.859.075	58.135.115.597	(15.332.248.268)	(11.826.596.803)	(661.309)	82.534.468.292
Cộng	51.558.859.075	58.135.115.597	(15.332.248.268)	(11.826.596.803)	(661.309)	82.534.468.292

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn:

	31/03/2026	01/01/2026
<i>Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê, in</i>	1.065.721.025	333.162.519
<i>Chi phí lãi vay</i>	997.760.534	886.179.891
<i>Chi phí thuê đất</i>	3.038.834.670	-
<i>Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)</i>	1.835.995.084	2.209.659.356
<i>Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng, thực phẩm, hoa hồng (đơn vị may)</i>	3.076.918.862	3.115.682.212
<i>Các chi phí khác</i>	6.330.000	-
Cộng	10.021.560.175	6.544.683.978

15. Phải trả ngắn hạn khác:

	31/03/2026	01/01/2026
<i>Kinh phí công đoàn</i>	23.771.126.996	22.617.699.432
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	547.540.000	567.540.000
<i>Các khoản chi hộ</i>	697.965.092	306.185.613
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	3.555.134.009	3.031.471.763
Cộng	28.571.766.097	26.522.896.808

16. Doanh thu chưa thực hiện:

* Ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
- Cho thuê mặt bằng	924.545.454	-
- Khác	129.536.566	108.886.990
Cộng	1.054.082.020	108.886.990

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

17. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	31/03/2026	Phát sinh trong kỳ		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
+ Ngân hàng 1	24.583.379.649	38.740.505.665	34.564.942.946	20.407.816.930
+ Ngân hàng 2	236.611.477.823	198.430.495.240	233.474.646.506	271.655.629.089
+ Ngân hàng 3	-	-	21.370.036.036	21.370.036.036
+ Ngân hàng 4	592.552.971.995	555.828.035.926	703.335.306.678	740.060.242.747
+ Ngân hàng 5	48.013.111.222	21.056.660.721	6.883.245.967	33.839.696.468
+ Ngân hàng 6	325.457.815.150	166.443.593.618	3.222.091.031	162.236.312.563
+ Ngân hàng 7	-	2.877.874.380	2.877.874.380	-
+ Ngân hàng 8	17.696.531.571	-	-	17.696.531.571
+ Ngân hàng 9	-	-	49.999.206.158	49.999.206.158
+ Ngân hàng 10	153.021.429.655	102.825.236.918	-	50.196.192.737
+ Ngân hàng 11	59.493.055.879	59.493.055.879	-	-
Cộng	1.457.429.772.944	1.145.695.458.347	1.055.727.349.702	1.367.461.664.299

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

b, Vay dài hạn:

	31/03/2026	Phát sinh trong kỳ		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	205.873.502.560	5.867.084.996	6.863.234.454	206.869.652.018
+ Ngân hàng I	100.675.697.920	15.813.687.500	-	84.862.010.420
Cộng	306.549.200.480	21.680.772.496	6.863.234.454	291.731.662.438

c, Vay từ các bên liên quan:

	31/03/2026	Phát sinh trong kỳ		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	205.873.502.560	5.867.084.996	6.863.234.454	206.869.652.018
Cộng	205.873.502.560	5.867.084.996	6.863.234.454	206.869.652.018

d, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:

	31/03/2026	Phát sinh trong kỳ		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	7.489.288.271	213.433.444	249.671.475	7.525.526.302
Cộng	7.489.288.271	213.433.444	249.671.475	7.525.526.302

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2025	360.027.080.000	216.569.826.120	302.002.876.633	5.090.730.000	40.273.626.786	923.964.139.539
- Phân bổ vào các quỹ	-	42.614.039.233	(42.614.039.233)	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	316.606.245.350	-	5.840.599.656	322.446.845.006
- Cổ tức	-	-	(90.006.770.000)	-	(1.716.659.000)	(91.723.429.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(42.215.930.782)	-	(172.762.996)	(42.388.693.778)
Số dư tại ngày 01/01/2026	360.027.080.000	259.183.865.353	443.772.381.968	5.090.730.000	44.224.804.446	1.112.298.861.767
- Phân bổ vào các quỹ	-	2.548.621.414	(2.548.621.414)	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	63.689.186.995	-	762.475.687	64.451.662.682
- Cổ tức	-	-	-	-	(2.429.959.000)	(2.429.959.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(1.912.390.781)	-	(721.775.729)	(2.634.166.510)
Số dư tại ngày 31/03/2026	360.027.080.000	261.732.486.767	503.000.556.768	5.090.730.000	41.835.545.404	1.171.686.398.939

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	31/03/2026	01/01/2026
Vốn góp của Tập đoàn Dệt may Việt Nam	222.742.050.000	222.742.050.000
Vốn góp của các đối tượng khác	137.285.030.000	137.285.030.000
Cộng	360.027.080.000	360.027.080.000

c, Cổ phiếu:

	31/03/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 01/01/2026	96.288.815.967
Trích lập trong năm từ lợi nhuận thuần	2.634.166.510
Tăng khác trong kỳ	140.000.000
Sử dụng trong kỳ	(15.276.250.795)
Số dư tại ngày 31/03/2026	83.786.731.682

20. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:

• **Ngoại tệ các loại:**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
USD	2.458.103,83	64.486.331.430	1.042.066,33	27.164.619.979

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
+ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	1.327.784.782.929	1.264.978.167.199
+ Doanh thu hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	11.526.520.798	12.571.863.392
Cộng	1.339.311.303.727	1.277.550.030.591

b, Các khoản giảm trừ doanh thu:

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Hàng bán bị trả lại	35.030.494	46.626.575
Cộng	35.030.494	46.626.575

2. Giá vốn hàng bán:

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Giá vốn bán hàng và gia công hàng dệt may	1.194.791.008.618	1.141.601.601.361
Giá vốn dịch vụ khác	7.222.557.357	9.108.945.392
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(647.160.228)	(1.434.153.586)
Cộng	1.201.366.405.747	1.149.276.393.167

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

3. Doanh thu hoạt động tài chính:

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ứng trước	18.990.060.239	5.597.248.061
Chiết khấu thanh toán	1.367.138	2.615.939
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.010.601.589	17.752.938.325
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.826.687.576	-
Cộng	33.828.716.542	23.352.802.325

4. Chi phí tài chính:

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Chi phí lãi tiền vay	20.959.806.738	9.890.162.417
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	4.170.895.102	3.410.339.684
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.048.798.307
Cộng	25.130.701.840	14.349.300.408

5. Chi phí bán hàng:

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Chi phí nhân viên	2.188.892.011	1.722.502.214
Chi phí vật liệu, bao bì	159.506.862	164.632.723
Chi phí dụng cụ đồ dùng	934.788.167	800.341.802
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.414.845	193.692.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.882.015.982	13.461.939.317
Chi phí bằng tiền khác	3.712.386.978	3.669.551.365
Cộng	21.888.004.845	20.012.659.552

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***6. Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Chi phí nhân viên	25.552.090.696	22.172.124.082
Chi phí đồ dùng văn phòng	721.655.842	754.466.239
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.448.220.808	3.074.434.703
Thuế, phí và lệ phí	5.756.240.374	5.830.201.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.807.586.729	7.704.007.731
Chi phí bằng tiền khác	8.692.366.024	10.406.937.748
Cộng	52.978.160.473	49.942.171.910

7. Thu nhập khác:

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	905.532.810	-
Tiền phạt thu được	169.949.538	-
Các khoản thu khác	2.511.836.105	2.748.093.884
Cộng	3.587.318.453	2.748.093.884

8. Chi phí khác:

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Các khoản chi khác	572.179.504	658.260.746
Cộng	572.179.504	658.260.746

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	630.565.511.354	611.962.619.128
Chi phí nhân công	420.275.097.363	387.286.741.851
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.626.316.929	34.413.767.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.112.301.880	134.762.663.320
Cộng	1.230.579.227.526	1.168.425.791.757

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

10. Báo cáo bộ phận:

Một bộ phận là một phần không thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác .

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

a) Bộ phận theo vùng địa lý

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Tổng công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

Tổng công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Thụy Điển
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Các vùng địa lý khác

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	Trung Quốc		Hoa kỳ		Thụy Điển		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	3T2026	3T2025	3T2026	3T2025	3T2026	3T2025	3T2026	3T2025	3T2026	3T2025	3T2026	3T2025	3T2026	3T2025	3T2026	3T2025
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	468.649.152	371.982.167	265.383.748	332.461.869	98.213.267	100.746.831	198.278.898	142.095.232	8.129.392	-	90.456.017	75.443.506	210.165.800	254.773.799	1.339.276.273	1.277.503.404
Kết quả kinh doanh của bộ phận	26.391.496	21.984.683	27.788.726	35.984.406	6.324.241	5.916.148	15.245.171	8.808.259	47.250	-	44.958.488	33.870.685	17.154.494	21.662.829	137.909.867	128.227.011
Thu nhập không phân bổ															34.377.257	24.118.840
Chi phí không phân bổ															99.996.867	84.304.132
Kết quả từ hoạt động kinh doanh															72.290.257	68.041.719
Thu nhập khác															3.587.318	2.748.094
Chi phí khác															572.180	658.261
Thuế TNDN															10.853.733	12.345.191
Lợi nhuận thuần sau thuế															64.451.663	57.786.362

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

b) Bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Tổng công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong hai lĩnh vực kinh doanh là:

* May mặc

* Sợi

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	May mặc		Sợi		Loại trừ nội bộ		Hợp nhất	
	3T2026	3T2025	3T2026	3T2025	3T2026	3T2025	3T2026	3T2025
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	1.114.101.295	1.043.166.226	225.174.978	234.337.178	-	-	1.339.276.273	1.277.503.404
Doanh thu giữa các bộ phận	38.523.470	36.642.096	-	19.954.626	(38.523.470)	(56.596.722)	-	-
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	1.152.624.765	1.079.808.322	225.174.978	254.291.804	(38.523.470)	(56.596.722)	1.339.276.273	1.277.503.404
Kết quả kinh doanh của bộ phận	122.736.872	108.908.359	15.172.995	19.318.652	-	-	137.909.867	128.227.011
Doanh thu tài chính							33.828.717	23.352.802
Chi phí tài chính							25.130.702	14.349.300
Phân lãi trong công ty liên kết							548.540	766.038
Chi phí không phân bổ							74.866.165	69.954.832
Kết quả hoạt động khác không phân bổ							3.015.139	2.089.833
Lợi nhuận trước thuế không phân bổ							75.305.396	70.131.552
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							9.304.663	10.703.002
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							1.549.070	1.642.189
Lợi nhuận thuần sau thuế							64.451.663	57.786.362

